

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 14-3-2018

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhiên

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Ngọc Trân

Ông Đoàn Văn Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Quý – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Ông Phan Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2016/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2016 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Tuyết L, sinh năm 1975 (có mặt)

Địa chỉ: khu phố G, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Anh Phạm Trung D, sinh năm 1971 (vắng mặt)

Địa chỉ: Hoa Kỳ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 24/5/2016 và Bản tự khai ngày 14/6/2016 nguyên đơn chị Lê Thị Tuyết L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Trung D quen biết nhau qua mạng xã hội, qua một thời gian tìm hiểu anh Phạm Trung D có trở về Việt Nam và chúng tôi đã tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết

hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 04/11/2014. Sau khi kết hôn, chị và anh Phạm Trung D sống chung với nhau được một thời gian ngắn thì anh Phạm Trung D phải trở về Hoa Kỳ để sinh sống, thời gian đầu anh chị cũng thường xuyên liên lạc với nhau qua điện thoại nhưng càng về sau thì anh Phạm Trung D ít liên lạc với chị hơn. Đến tháng 02/2015 anh Phạm Trung D có về Việt Nam nhưng anh không liên lạc với chị và anh đã có người phụ nữ khác, kể từ đó giữa anh chị không còn liên lạc với nhau nữa và cũng không còn tình cảm vợ chồng nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, việc hàn gắn tình cảm vợ chồng cũng gặp khó khăn do khoảng cách địa lý xa nên chị quyết định xin ly hôn với anh Phạm Trung D.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: không có, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay chị yêu cầu: Về quan hệ hôn nhân, chị xin được ly hôn với anh Phạm Trung D; về con chung, tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Phạm Trung D đã được Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang tiến hành thủ tục ủy thác tư pháp theo đúng quy định của pháp luật, nhưng đến nay anh Phạm Trung D vẫn không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của chị L.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang có ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án là đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Lê Thị Tuyết L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Phạm Trung D đã được Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang tiến hành ủy thác tư pháp cho Cơ quan có thẩm quyền của Hợp chủng quốc Hoa Kỳ lần thứ nhất theo quy định tại Thông tư số 15/2011/TTLT-BTP-BNG-TANDTC ngày 15/9/2011 của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao và Tòa án nhân dân tối cao để tổng đạt thông báo thụ lý và lấy lời khai nhưng Tòa án không nhận được kết quả ủy thác lần thứ nhất. Tòa án tiếp tục tiến hành ủy thác lần thứ hai để tổng đạt thông báo thụ lý và thu thập lời khai của anh Phạm Trung D theo

quy định mới tại Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BTP-BNG-TANDTC ngày 19/10/2016 của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao và Tòa án nhân dân tối cao quy định về quy trình, thủ tục tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự; hồ sơ ủy thác tư pháp đã được tổng đạt trực tiếp cho anh Phạm Trung D vào ngày 20/9/2017. Tuy nhiên, đến nay đã hết thời hạn theo quy định của pháp luật nhưng anh Phạm Trung D cũng không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của chị L và không có mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh Phạm Trung D.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị L và anh Phạm Trung D đã tuân thủ đúng các điều kiện kết hôn, đã đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định tại các Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị L, nguyên nhân dẫn đến ly hôn là do khoảng cách địa lý xa, vợ chồng không còn liên lạc với nhau nên tình cảm không còn, hơn nữa chị nhận thấy anh Phạm Trung D đã có người phụ nữ khác nên chị quyết định xin ly hôn với anh Phạm Trung D. Xét thấy, chị L và anh Phạm Trung D kết hôn và chung sống với nhau được một thời gian ngắn thì anh Phạm Trung D trở về Hoa Kỳ, chị L vẫn tiếp tục sinh sống tại Việt Nam, do đó anh chị cũng không có điều kiện để yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và chia sẻ cùng nhau trong cuộc sống hôn nhân, từ đó tình cảm vợ chồng cũng không còn. Hơn nữa, chị L và anh Phạm Trung D đã không còn liên lạc với nhau và đã sống ly thân trong khoảng thời gian dài. Xét thấy, hôn nhân giữa chị L và anh Phạm Trung D không còn sự gắn kết, không thể tiếp tục xây dựng hạnh phúc gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, cho chị L ly hôn với anh Phạm Trung D.

[3] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Chị L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị L phải chịu là 200.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Về chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài: Áp dụng khoản 3 Điều 153 Bộ luật tố tụng dân sự, chị L phải nộp chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài gồm lệ

phí là 300.000 đồng và chi phí thực tế thực hiện ủy thác tư pháp là 95 đô la Mỹ, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng chị L đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 37, Điều 153, điểm d khoản 1 Điều 469, Điều 477 và Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Tuyết L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị Tuyết L và anh Phạm Trung D.

2. Về con chung: Không có, không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Lê Thị Tuyết L phải nộp 200.000 đồng, được khấu trừ vào 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp theo lai thu số 0004943 ngày 26/5/2016 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

5. Về chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài:

- Chị Lê Thị Tuyết L phải chịu lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng chi phí ủy thác tư pháp chị L đã nộp theo lai thu số 0003565 ngày 13/7/2016 và số 0012729 ngày 10/5/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

- Chị L phải chịu chi phí thực tế thực hiện ủy thác tư pháp ra nước ngoài là 95 (chín mươi lăm) đô la Mỹ, chị L đã chuyển khoản trực tiếp đủ số tiền này vào tài khoản của Công ty ABC Legal (Hoa Kỳ), nên chị L không phải nộp thêm.

Báo cho chị Lê Thị Tuyết L có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; anh Phạm Trung D có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án này được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- THA dân sự tỉnh Kiên Giang;
- UBND tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Nhiên